

Số: 28/TB-KL

Tuy Đức, ngày 23 tháng 7 năm 2019

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

1. Tổ chức có tài sản đấu giá: Hạt Kiểm lâm huyện Tuy Đức.

Địa chỉ: Thôn 1, xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

2. Tài sản đấu giá gồm:

* **Về lâm sản:** 26,452m³ (Hai mươi sáu phẩy bốn năm hai mét chẵn) gỗ tròn, gỗ xẻ các loại từ nhóm III đến nhóm VIII

* **Phương tiện, công cụ:** 03 chiếc xe máy độ chế; 02 máy cưa xăng cũ

3. Tổng giá khởi điểm của tài sản đấu giá:

Tổng tiền: 75.275.000 đồng. Bằng chữ: Bảy mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng. (Kèm Biên bản định giá khởi điểm TSTT bán sung quỹ Nhà nước ngày 18/7/2019)

4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản bao gồm:

- Có cơ sở, vật chất, trang thiết bị cần thiết đảm bảo cho việc đấu giá tài sản;
- Phương án đấu giá tài sản khả thi, hiệu quả;
- Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản;
- Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp theo quy định hiện hành;

đ. Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp hoặc Sở Tư pháp tại nơi đơn vị đăng ký công bố;

e. Ngoài các tiêu chí nêu trên, Bộ hồ sơ năng lực của Tổ chức đấu giá bao gồm:

- Bản sao chứng thực đăng ký kinh Doanh, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập có ngành nghề kinh doanh phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Bản cam kết của tổ chức đấu giá về tiến độ thực hiện tổ chức đấu giá; cam kết về thời gian đăng thông báo đấu giá trên các báo - đài theo quy định.

- Số lượng đấu giá viên, kèm theo bằng cấp chuyên môn;

- Các cam kết khác (nếu có);

5. Thời hạn, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá: Từ ngày 24/7/2019 đến 17 giờ ngày 30/7/2019.

Địa chỉ: Bộ phận Hành chính tổng hợp, Hạt Kiểm lâm huyện Tuy Đức –Thôn 1, xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông; Số điện thoại: 02612 229 179.

Lưu ý: Nộp trực tiếp (không nhận hồ sơ qua đường bưu điện), Người đến nộp hồ sơ phải mang theo Giấy giới thiệu và Chứng minh nhân dân. Không hoàn trả hồ sơ đối với các hồ sơ không được Hạt Kiểm lâm lựa chọn.

Nơi nhận:

- Trang TTĐT của CCKL Đắk Nông;
- Sở Tư pháp (bttp.stp@daknong.gov.vn);
- Lãnh đạo Hạt;
- Lưu: hồ sơ.

PHÓ HẠT TRƯỞNG



Lê Đắc Thành

BIÊN BẢN

Về việc định giá khởi điểm tài sản tịch thu bán sung quỹ Nhà nước

Căn cứ Quyết định số 772/QĐ-UBND ngày 09/5/2019 của Chủ tịch UBND huyện Tuy Đức về việc kiện toàn Hội đồng xử lý, định giá và bán đấu giá tài sản tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc quy định giá các loại tài nguyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Biên bản số 04/BB-XĐCL ngày 18/7/2019 về việc xác định tỷ lệ chất lượng còn lại giá trị tang vật đã tịch thu bán sung quỹ Nhà nước.

Hôm nay, ngày 18 tháng 7 năm 2019. Tại Hạt Kiểm lâm huyện Tuy Đức. Chúng tôi gồm:

I/ Hạt Kiểm lâm huyện Tuy Đức:

- Ông : Lê Đắc Thành - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng.
- Bà: Lê Thị Hồng Nhung - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

II/ Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Tuy Đức:

- Bà: Mạnh Thị Thanh Tâm - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

III/ Phòng Tư pháp huyện Tuy Đức:

- Ông: Trịnh Trọng Thành - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

IV/ Phòng NN & PTNT huyện Tuy Đức:

- Ông: Hồ Đức Giáp - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

V/ Phòng Kinh tế và Hạ tầng:

- Ông: Nguyễn Quốc Nguyên - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

Đã cùng nhau thống nhất xác định mức giá khởi điểm số lâm sản, phương tiện, công cụ dụng cụ bán sung công quỹ Nhà nước theo các Quyết định đã ban hành tịch thu năm 2019; cụ thể như sau (có bảng kê chi tiết kèm theo):

* **Lâm sản: 26,452 m³ gỗ tròn, gỗ xẻ từ nhóm III đến nhóm VIII**

STT	Nhóm gỗ	Khối lượng (m ³)	Thành tiền (đồng)
I	Gỗ xẻ	17,400	56.307.796
1	Nhóm III	1,431	6.883.944
2	Nhóm V-VI	15,969	49.423.852
II	Gỗ tròn	9,052	17.267.601
1	Nhóm III	2,358	7.607.820
2	Nhóm V-VI	6,694	9.659.781
Tổng cộng (I+II)		26,452	73.575.397
Làm tròn			73.575.000

*** Phương tiện, công cụ dụng cụ:**

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng	Số tiền (đồng)
1	Xe máy độ chế	Chiếc	03	1.200.000
2	Máy cưa xăng cũ	Cái	02	500.000
Tổng cộng			05	1.700.000

Tổng giá trị: 75.275.000 đồng . Bằng chữ: (Bảy mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn).

Biên bản kết thúc cùng ngày, đã thông nội dung; hội đồng thống nhất và ký tên./.

HẠT KIỂM LÂM

PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ HOẠCH







Lê Thị Hồng Nhung

Lê Đắc Thành

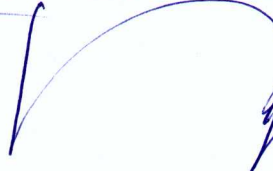
Mạnh Thị Thanh Tâm

PHÒNG KINH TẾ & HẠ TẦNG

PHÒNG TƯ PHÁP

PHÒNG NN&PTNT







Nguyễn Quốc Nguyên

Trịnh Trọng Thành

Hồ Đức Giáp

Số: 04/BB- XDCL

Tuy Đức, ngày 18 tháng 7 năm 2019

BIÊN BẢN

Về việc xác định tỷ lệ chất lượng còn lại giá trị tang vật đã tịch thu bán sung quỹ Nhà nước

Căn cứ Quyết định số 772/QĐ-UBND ngày 09/5/2019 của Chủ tịch UBND huyện Tuy Đức về việc kiện toàn Hội đồng xử lý, định giá và bán đấu giá tài sản tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước;

Căn cứ các Quyết định tịch thu tang vật sung quỹ Nhà nước đã ban hành năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1156/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 của UBND tỉnh Đắk Nông, về việc phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu sung quỹ Nhà nước,

Căn cứ tình trạng thực tế tại thời điểm.

Hôm nay, vào lúc 10 giờ 30 phút ngày 18/7/2019. Tại Hạt Kiểm lâm huyện Tuy Đức. Hội đồng đánh giá chất lượng gồm có:

I/ Hạt Kiểm lâm huyện Tuy Đức:

- Ông : Lê Đắc Thành - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng.
- Bà: Lê Thị Hồng Nhung - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

II/ Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Tuy Đức:

- Bà: Mạnh Thị Thanh Tâm - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

III/ Phòng Tư pháp huyện Tuy Đức:

- Ông: Trịnh Trọng Thành - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

IV/ Phòng NN & PTNT huyện Tuy Đức:

- Ông: Hồ Đức Giáp - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

V/ Phòng Kinh tế và Hạ tầng:

- Ông: Nguyễn Quốc Nguyên - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

Đã cùng nhau thống nhất đánh giá chất lượng lâm sản tịch thu bán sung công quỹ Nhà nước theo các biên bản kiểm tra, Quyết định đã ban hành tịch thu năm 2019, cụ thể như sau:

* **Lâm sản: 26,452 m³ gỗ tròn, gỗ xẻ từ nhóm III đến nhóm VIII**

- **Gỗ xẻ: 17,400 m³**

Gỗ Bằng lăng Nhóm III KL: 0,145 m³ Chất lượng còn lại: 85%.

Gỗ Bằng lăng	Nhóm III	KL: 0,817 m ³	Chất lượng còn lại: 50%.
Gỗ Sao	Nhóm III	KL: 0,469m ³	Chất lượng còn lại: 90%
Gỗ SP	Nhóm V	KL: 5,374 m ³	Chất lượng còn lại: 75%.
Gỗ Phay	Nhóm VIII	KL: 10,595 m ³	Chất lượng còn lại: 80%.
- Gỗ tròn: 9,052 m³			
Gỗ Bằng lăng	Nhóm III	KL: 1,569 m ³	Chất lượng còn lại: 75%.
Gỗ Bằng lăng	Nhóm III	KL: 0,789 m ³	Chất lượng còn lại: 70%.
Gỗ SP	Nhóm V	KL: 4,097 m ³	Chất lượng còn lại: 65%.
Gỗ SP	Nhóm VI	KL: 0,785 m ³	Chất lượng còn lại: 60%.
Gỗ SP	Nhóm VIII	KL: 1,451 m ³	Chất lượng còn lại: 60%.
Gỗ SP	Nhóm VIII	KL: 0,361m ³	Chất lượng còn lại: 50%.

*** Phương tiện:**

- 03 chiếc xe máy độ chế, không có giấy tờ đăng ký theo quy định
- + Tình trạng: Xe đã cũ, móp méo, hư hỏng, không hoạt động được.

*** Công cụ, máy móc:**

- 02 máy cưa xăng (01 máy cưa có lam sên và 01 máy cưa không có lam sên).
- + Tình trạng: Máy cưa cũ, để lâu nên hư hỏng, rỉ sét, không hoạt động.

Do khối lượng gỗ tích thu trên là gỗ tròn, gỗ hộp có khối lượng lớn, khi phát hiện đã là gỗ cũ, không có kho bảo quản mà phải để ngoài trời, bị tác động thời tiết nắng, mưa trong thời gian dài. Vì vậy, gỗ bị bị cong, vênh, nứt nẻ nhiều..... làm giảm chất lượng.

Biên bản kết thúc lúc 11 giờ 00 phút cùng ngày, được thông qua nội dung đánh giá chất lượng, hội đồng nhất trí nội dung và cùng ký tên./.

HẠT KIỂM LÂM

PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ HOẠCH

Lê Thị Hồng Nhung

Lê Đắc Thành

Mạnh Thị Thanh Tâm

PHÒNG KINH TẾ & HẠ TÀNG

PHÒNG TƯ PHÁP

PHÒNG NN&PTNT

Nguyễn Quốc Nguyên

Trịnh Trọng Thành

Hồ Đức Giáp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ CHI TIẾT GIÁ TRỊ TÀI SẢN TỊCH THU

(Kèm theo biên bản định giá khởi điểm số 04/BB-ĐG ngày 18/7/2019)

STT	Tên tài sản	Khối lượng (m3)/Ster	% chất lượng còn lại	Đơn giá (đồng)	Tổng giá trị (đồng)	Nơi bảo quản	Biên bản VPHC		Quyết định xử lý	
							Số	Ngày	Số	Ngày
A	GỖ NHÓM III	3,789			14.491.764					
1	Gỗ xẻ Bằng lạng nhóm III	0,817	50%	7.040.000	2.875.840	Trạm KLDB Quảng Trục	000058	08/03/2019	000291	08/04/2019
2	Gỗ tròn Bằng lạng nhóm III	1,569	75%	4.400.000	5.177.700					
3	Gỗ xẻ Bằng lạng nhóm III	0,145	85%	7.040.000	867.680	Hạt Kiểm lâm Tuy Đức	000016	23/04/2019	000370	02/05/2019
4	Gỗ Sao đen nhóm III	0,469	90%	7.440.000	3.140.424	Cty LN Nam Tây Nguyên	000060	05/04/2019	000295	07/05/2019
5	Gỗ tròn Bằng lạng nhóm III	0,789	70%	4.400.000	2.430.120	Cty LN Nam Tây Nguyên	000061	05/04/2019	000296	07/05/2019
B	GỖ NHÓM V - VIII	22,663			59.083.633					
1	Gỗ tròn SP nhóm VI	0,785	60%	2.000.000	942.000	Trạm KLDB Quảng Trục	000050	06/03/2019	000290	08/04/2019
2	Gỗ tròn SP nhóm VIII	1,451	60%	1.960.000	1.706.376	Trạm KLDB Quảng Trục	000058	08/03/2019	000291	08/04/2019
3	Gỗ tròn SP nhóm VIII	0,361	50%	1.960.000	353.780	Trạm KLDB Quảng Trục	000550	14/03/2019	000292	15/04/2019
4	Gỗ xẻ Phay nhóm VI	4,679	80%	3.280.000	12.277.696	Cty LN Nam Tây Nguyên	000012	05/04/2019	000293	06/05/2019
5	Gỗ xẻ Phay nhóm VI	5,916	80%	3.280.000	15.523.584	Cty LN Nam Tây Nguyên	000013	05/04/2019	000294	06/05/2019
6	Gỗ xẻ SP nhóm V	1,241	75%	4.000.000	3.723.000	Cty LN Nam Tây Nguyên	000060	05/04/2019	000295	07/05/2019
7	Gỗ xẻ SP nhóm V	2,605	75%	7.040.000	13.754.400					
8	Gỗ tròn SP nhóm V	1,395	65%	2.500.000	2.266.875	Cty LN Nam Tây Nguyên	000061	05/04/2019	000296	07/05/2019
9	Gỗ tròn SP nhóm V	2,702	65%	2.500.000	4.390.750					
10	Gỗ xẻ SP nhóm V	0,377	75%	2.448.000	692.172					
11	Gỗ xẻ SP nhóm V	1,151	75%	4.000.000	3.453.000					
Tổng cộng		26,452			73.575.397					
Làm tròn					73.575.000					

Số tiền ghi bằng chữ: (Bảy mươi ba triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn).

Phòng Tài chính - Kế hoạch



Mạnh Thị Thanh Tâm

Phòng Nông nghiệp & PTNT



Hồ Đức Giáp

Tuy Đức, ngày 18 tháng 7 năm 2019

Hạt Kiểm lâm huyện Tuy Đức



Lê Thị Hồng Nhung




Lê Đắc Thành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ CHI TIẾT

(Kèm theo biên bản định giá khởi điểm số 04/BB-ĐG ngày 18/7/2019)

STT	Số Quyết định	Ngày QĐ	ĐVT	Số lượng	Chủng loại, nhãn hiệu, biển số	Số tiền	Ghi chú
1	000292	15/04/2019	Chiếc	02	Xe máy độ chế	800.000	
			Cái	01	Máy cưa xăng, không lam sên	200.000	
2	000370	02/05/2019	Chiếc	01	Xe máy độ chế	400.000	
			Cái	01	Máy cưa xăng, có lam sên	300.000	
Tổng cộng				05		1.700.000	

Số tiền ghi bằng chữ: (Một triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn).

HẠT KIỂM LÂM

PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ HOẠCH





Lê Thị Hồng Nhung *Lê Đức Thành*



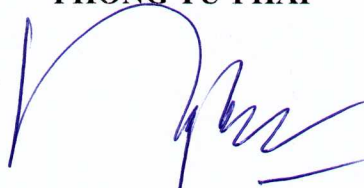
Mạnh Thị Thanh Tâm

PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG

PHÒNG TƯ PHÁP

PHÒNG NN & PTNT







Nguyễn Quốc Nguyên

Trịnh Trọng Thành

Hồ Đức Giáp